

Bản án số: 26/2026/DS-ST  
Ngày 13- 4 -2026  
V/V Tranh chấp về hợp đồng  
dân sự góp họ (hụi).

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thị Gấm  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thu Trang và bà Nguyễn Ngọc Duyên.  
**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án.  
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2026 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2026/QĐXX- ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ G, sinh năm 1976; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã A, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1980 và anh Trần Minh Đ, sinh năm 1978; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã A, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ G trình bày yêu cầu như sau:**

Ngày 30/5/2022 thì chị có tham gia 01 chân chơi hụi do vợ chồng chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ làm chủ, hụi trị giá 2.000.000đ, hụi có 25 chân hụi, tiền hoa hồng 1.000.000đ, chị đã đóng được 12 lần hụi sống thì vợ chồng chị T anh Đ tuyên bố úp hụi.

Sau khi úp hụi thì vợ chồng chị T và anh Đ còn nợ lại chị 12 lần hụi sống x 2.000.000đ = 24.000.000đ, sau đó vợ chồng chị T có trả cho chị được 2.000.000đ (Hai triệu đồng), còn nợ lại chị số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ trả số tiền hụi còn nợ 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Bị đơn chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

**Tại phiên tòa hôm nay:** Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị T và anh Đ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – An Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị Mỹ G khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ trả số tiền hụi còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)”.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Mỹ G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ G.

Chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ đã được triệu tập xét xử lần thứ hai hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ G yêu cầu chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ trả số tiền hội còn nợ 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án việc tham gia chơi hội chị T đều có lập danh sách theo dõi, có sổ ghi chép chung. Việc chị T anh Đ làm chủ hội có ký tên chủ hội là Trần Minh Đ và Trần Thị T, qua xác minh những người cùng tham gia chơi chung dây hội với chị G thì họ đều xác nhận là anh Đ và chị T có tham gia làm chủ hội, chị G chơi chung dây hội với họ và họ được biết là anh Đ, chị T còn nợ lại chị G tiền hội là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) (Bút lục 23, 24, 25, 26 và 27). Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 24/12/2025 tại trụ sở ấp N (Bút lục B), Phó Trưởng ấp xác nhận việc vợ chồng anh Đ, chị T có tổ chức mở các dây hội tại địa phương. Từ đó có cơ sở để xác định anh Đ và chị T có mở dây hội dây hội ngày 30/5/2022 và có nợ tiền hội của chị G là sự thật và yêu cầu khởi kiện của chị G là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 của Chính phủ về Họ, hội, biểu, phường cần buộc anh Đ và chị T phải trả cho chị G số tiền hội còn nợ là 22.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí của vụ án:  $22.000.000đ \times 5\% = 1.100.000đ$  (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho chị Phạm Thị Mỹ G số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 288, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 quy định về họ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ G.**

Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mỹ G số tiền nợ hui là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không trả tiền thì còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thi hành án.

**2. Về án phí vụ kiện:**

Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Minh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là:  $22.000.000đ \times 5\% = 1.100.000đ$  (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Chị Phạm Thị Mỹ G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009657 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7-An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Thị Gấm**